

Bản án số: 16/2026/HNGĐ-ST
Ngày 09-03-2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Duy Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hải;

Bà Nguyễn Thị Luyến.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Kim Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2026/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Lương Văn D, sinh năm 1975; nơi cư trú: TDP Chu Vườn, phường Trần Hưng Đ, thành phố Thủy N (nay là phường Lưu K), thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Chị Wu I S, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tầng 5, số 816, đường An Trung, xóm 24, phường Phụng Hoàng, khu An Nam, thành phố Đài Nam, Đài Loan; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ghi ngày 17/4/2025, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Lương Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Wu I S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên vào ngày 27/12/2019. Sau khi kết hôn, chị Wu I S về Đài Loan làm việc, đến đầu năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ngôn ngữ, phong tục tập quán và mỗi người sống một nước không quan tâm, liên hệ gì với nhau. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Wu I S.

Về con chung: Anh và chị Wu I S không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về kết quả ủy thác cho bị đơn chị Wu I S:

Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành ủy thác tư pháp thông qua Bộ Tư pháp Việt Nam gửi đến Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan để tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về việc cung cấp lời khai cho Tòa án đối với chị Wu I S. Ngày 09/01/2026, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được Công văn số 4382/BTP-PLQT ngày 17/12/2025 của Bộ Tư pháp về việc thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp theo Văn bản số 11400245400 ngày 22/11/2025 của Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan đối với đương sự Wu I S. Kết quả ủy thác thể hiện, Cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện được ủy thác tư pháp vào ngày 07/10/2025, đã gửi hồ sơ ủy thác tư pháp cho người làm thuê của đương sự.

Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành thông báo văn bản tố tụng thông tin về việc giải quyết vụ án trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Kinh tế - Văn hoá Việt Nam tại Đài Bắc - Đài Loan.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt hai lần tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Anh D và chị Wu I S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên vào ngày 27/12/2019 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh D và chị Wu I S phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, thể hiện hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D được ly hôn với chị Wu I S; anh D và chị Wu I S không có con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung anh D và chị Wu I S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh D phải nộp án phí và chi phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là chị Wu I S

hiện đang cư trú ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 4 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là anh Lương Văn D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn là chị Wu I S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị Wu I S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên vào ngày 27/12/2019 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh D và chị Wu I S phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không còn yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của anh D xin được ly hôn với chị Wu I S là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh D và chị Wu I S không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh D và chị Wu I S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí và chi phí ủy thác tư pháp: Anh D là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh D và chị Wu I S có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 4 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lương Văn D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Văn D được ly hôn chị Wu I S.
2. Về con chung: Anh D và chị Wu I S không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về tài sản chung: Anh D và chị Wu I S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về án phí: Anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001266 ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng (nay là Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng); anh D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
5. Về chi phí ủy thác tư pháp: Anh D phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng chi phí ủy thác tư pháp nhưng được trừ vào số tiền 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001275 ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng (nay là Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng); anh D đã nộp đủ chi phí ủy thác tư pháp.
6. Về quyền kháng cáo:

Anh Lương Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Chị Wu I S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Hải

Nguyễn Thị Luyến

Bùi Duy Khoa

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 27/12/2019);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Duy Khoa